

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6356/UBND-THKH

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 6 năm 2016

V/v triển khai, thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Kính gửi:

- Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 17/4/2015, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ngày 20/11/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và ngày 07/4/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 14-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, nghị định và kế hoạch nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

I. Tổ chức quán triệt, triển khai và tuyên truyền thực hiện chủ trương tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Giao Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tổ chức quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

II. Tiến hành rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước cụ thể như sau:

1. Về rà soát, điều chỉnh, khắc phục những chồng chéo, không rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, giữa UBND cấp huyện với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

1.1. Các sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình theo Quyết định của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Thông tư liên tịch của Bộ quản lý ngành và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của sở theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ để thực hiện việc rà soát những chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, trùng lặp, chưa rõ hoặc bỏ sót giữa đơn vị mình với các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và với UBND các huyện, thị xã, thành phố; trên cơ sở đó, đề nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Chính phủ và tình hình thực tế ở địa phương.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ (theo biểu mẫu số 01 gửi kèm theo) trước ngày 15/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

1.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh, Quyết định của UBND huyện, thị xã, thành phố về chức năng, nhiệm vụ của các phòng theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Thông tư liên tịch của Bộ quản lý ngành và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của các sở thuộc UBND tỉnh, của các phòng thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thực hiện việc rà soát chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, trùng lặp, chưa rõ hoặc bỏ sót giữa các phòng thuộc UBND cấp huyện; giữa UBND cấp huyện với các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; trên cơ sở đó đề nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ (theo biểu mẫu số 02 gửi kèm theo) trước ngày 15/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

2. Về rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính của các cấp, các ngành trong giải quyết công việc cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân

Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến giải quyết công việc cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân ở tất cả các ngành, lĩnh vực theo tinh thần: giảm tối đa về thủ tục giấy tờ không cần thiết; giảm tối đa về thời gian giải quyết đối với mỗi loại việc; xác định rõ trách nhiệm của người được giao thụ lý hồ sơ, người có trách nhiệm xử lý hồ sơ và người phụ trách cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15/7/2016; giao Sở Tư pháp tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

3. Về quy chế phối hợp của các cấp, các ngành trong giải quyết công việc cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân

Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Rà soát, xác định những thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp hoặc giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp mà cơ quan đơn vị mình là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để đề xuất xây dựng quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

4. Xây dựng Phương án kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng thuộc UBND cấp huyện

Các sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh trên cơ sở thực hiện việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 và Quyết định của UBND tỉnh, thực hiện xây dựng Phương án kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh, của phòng thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch của Bộ quản lý ngành và Bộ Nội vụ, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định (đối với các Sở chưa thực hiện), trước ngày 30/6/2016.

5. Rà soát lại tổ chức bộ máy các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện:

5.1. Đối với các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh:

Rà soát, thống kê và báo cáo danh sách, số lượng cấp phó là lãnh đạo sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và cấp phó là lãnh đạo phòng, ban, đơn vị trực thuộc đơn vị mình; trong đó, phân tích, làm rõ số lượng tăng, giảm so với quy định của pháp luật và của tỉnh; thời điểm bổ nhiệm lần đầu, bổ nhiệm lại; người quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (*theo biểu mẫu số 03, 04 kèm theo*). Đánh giá việc bổ nhiệm cấp phó là lãnh đạo phòng, ban, các đơn vị trực thuộc đơn vị mình; giải trình lý do bổ nhiệm cấp phó vượt so với quy định; đề xuất biện pháp xử lý.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

5.2. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Rà soát, thống kê và báo cáo danh sách số lượng cấp phó là lãnh đạo các phòng chuyên môn, tổ chức tương đương và các đơn vị trực thuộc (bao gồm cả Phó hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở). Báo cáo cần phân tích rõ số lượng cấp phó tăng, giảm so với quy định của pháp luật; thời điểm bổ nhiệm lần đầu, bổ nhiệm lại; người quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (*theo biểu mẫu số 05, 06 kèm theo*).

b) Đánh giá việc bổ nhiệm cấp phó là lãnh đạo phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc; giải trình lý do bổ nhiệm cấp phó vượt quá so với quy định; đề xuất biện pháp xử lý.

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/7/2016.

6. Rà soát lại quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực:

6.1. Các Sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh thực hiện việc rà soát, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo ngành, lĩnh vực hoạt động và theo cơ chế hoạt động (tự chủ hoàn toàn về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính, tài sản; chưa tự chủ) (*theo biểu mẫu số 07 gửi kèm theo*).

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10/8/2016.

6.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc rà soát, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo ngành, lĩnh vực hoạt động (sự nghiệp Y tế, Giáo dục Đào tạo, Khoa học Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch,...) (*theo biểu mẫu 08 gửi kèm theo*).

- Thời gian thực hiện: Các đơn vị hoàn thành báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10/8/2016.

III. Rà soát và báo cáo chính xác số lượng, cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo các biểu như sau:

1. Biểu mẫu số 09: Báo cáo số lượng biên chế công chức hành chính từ cấp huyện trở lên tính đến ngày 30/6/2016 dùng cho 21 sở, cơ quan ngang sở và 27 huyện, thị xã, thành phố.

2. Biểu mẫu số 10: Báo cáo số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố tính đến ngày 30/6/2016 dùng cho 27 huyện, thị xã, thành phố.

3. Biểu mẫu số 11: Báo cáo số lượng biên chế viên chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh tính đến ngày 30/6/2016 dùng cho các trường Cao đẳng, Đại học, Viện, Trung tâm.

4. Biểu mẫu số 12: Báo cáo số lượng biên chế viên chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tính đến ngày 30/6/2016 dùng cho các Sở có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

5. Biểu mẫu số 13, 14, 15: Rà soát, báo cáo số lượng cán bộ, công chức, những người không chuyên trách và hợp đồng lao động tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; số lượng, danh sách cán bộ công chức cấp xã đã được điều động về công tác tại các cơ quan của cấp huyện tính đến ngày 30/6/2016;

6. Biểu mẫu số 16: Báo cáo số lượng, danh sách cán bộ, công chức cấp xã đã thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ; Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã gắn với tinh giản biên chế, đảm bảo nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã tính đến ngày 30/6/2016.

7. Thời gian thực hiện: Các đơn vị gửi báo cáo cho Sở Nội vụ trước ngày 10/7/2016; giao Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) và UBND tỉnh trước ngày 20/7/2016.

IV. Hướng dẫn triển khai Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan thuộc khối nhà nước từ tỉnh đến cơ sở theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

1. Giao Sở Nội vụ thực hiện việc thông báo danh mục vị trí việc làm theo Quyết định số 2034/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Thanh Hóa cho các sở, cơ quan ngang sở và UBND các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn các sở, cơ quan ngang sở và UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của đơn vị mình theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt trước ngày 30/6/2016.

2. Các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt; trên cơ sở đó xác định chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, gửi Sở Nội vụ trước ngày 15/7/2016 để thẩm định, tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

V. Nghiên cứu giải quyết đối với số hợp đồng lao động tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh.

Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi chung là sở), Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) rà soát và báo cáo chính xác số lượng hợp đồng lao động ở các cơ quan sở và đơn vị trực thuộc sở, các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện và

các đơn vị, trường học trực thuộc UBND huyện tính đến ngày 29/02/2016, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15/8/2016, để tổng hợp gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/9/2016, với các nội dung sau:

1. Hợp đồng lao động tại cơ quan sở, cơ quan UBND cấp huyện

- Tổng số hợp đồng lao động tính đến ngày 29/02/2016;
- Số hợp đồng lao động đã ký do cơ quan có thẩm quyền cho phép;
- Số hợp đồng lao động do cơ quan, đơn vị tự ký;
- Số hợp đồng lao động đã ký trước ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc tạm dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Số hợp đồng lao động đã ký sau ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc tạm dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện;

(Có biểu mẫu số 17 kèm theo)

2. Hợp đồng lao động tại các đơn vị trực thuộc sở; các đơn vị, trường học trực thuộc UBND cấp huyện

- Tổng số hợp đồng lao động tính đến ngày 29/02/2016;
- Số hợp đồng lao động đã ký do cơ quan có thẩm quyền cho phép;
- Số hợp đồng lao động do cơ quan, đơn vị tự ký;
- Số hợp đồng lao động đã ký trước ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc tạm dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Số hợp đồng lao động đã ký sau ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh về việc tạm dừng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Đối với các Trường học thuộc UBND cấp huyện, yêu cầu báo cáo thêm:
 - + Số hợp đồng lao động đã ký trước ngày ban hành Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;
 - + Số hợp đồng lao động đã ký sau ngày ban hành Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh;

(Có biểu mẫu số 18, 19 kèm theo)

3. Đề xuất hướng xử lý

Trên cơ sở tổng số hợp đồng lao động theo nội dung trên, yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất hướng xử lý; trong đó phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đã ký hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm các nội dung trên và tổng hợp, báo cáo đúng thời gian quy định.

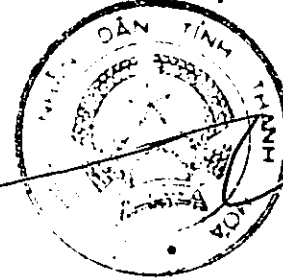
2. Giao Sở Tài chính tham mưu kinh phí triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Giao Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra và tổng hợp kết quả triển khai, thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ (cơ quan ngang sở)...

**RÀ SOÁT CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHỒNG CHÉO TRUNG LẬP; CHƯA RÕ, BỎ SÓT
 VÀ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIỮA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH
 VÀ GIỮA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH VỚI UBND CẤP HUYỆN**

TT	Chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lắp	Chức năng, nhiệm vụ chưa rõ hoặc bỏ sót	Sở, cơ quan ngang sở, UBND cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ trùng lắp	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lắp hoặc chưa rõ, bỏ sót
1				
2				
3				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND (HUYỆN, TX, TP)....

**RÀ SOÁT CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHỒNG CHÉO TRUNG LẬP; CHƯA RÕ, BỎ SÓT
VÀ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIỮA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND HUYỆN
GIỮA UBND CẤP HUYỆN VỚI CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ**

TT	Phòng, tổ chức tương đương	Chức năng, nhiệm vụ chồng chéo	Chức năng, nhiệm vụ chưa rõ hoặc bỏ sót	Phòng (tổ chức tương đương) có chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lắp hoặc chưa rõ, bỏ sót	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lắp hoặc chưa rõ, bỏ sót
1					
2					
3					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ,...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU THỐNG KÊ CÁN BỘ LÀ CẤP PHÓ CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH**

STT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Bổ nhiệm lần đầu			Bổ nhiệm lại			Ghi chú
				Số quyết định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm	Người có thẩm quyền bổ nhiệm	Số quyết định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lại	Người có thẩm quyền bổ nhiệm lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Lãnh đạo Sở									
1	Ông (bà)		Phó đơn vị...							
2	Ông (bà)		Phó Giám đốc							
...	...		...							
II	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ									
1	Ông (bà)		Phó Trưởng phòng ...							
2	Ông (bà)		Phó Chánh Văn phòng							
...	...									
III	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc									
1	Ông (bà)		Phó đơn vị...							
2	Ông (bà)		Phó Chi cục trưởng							
...	...		...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ,...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP CẤP PHÓ CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH**

STT	Tên đơn vị	Văn bản quy định số lượng cấp phó	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Số lượng cấp phó tăng, giảm so với quy định		Ghi chú
					Tăng so với quy định	Giảm so với quy định	
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ						
1	Tên đơn vị A						
2	Tên đơn vị B						
...	...						
Tổng:							
II	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc						
1	Tên đơn vị A						
2	Tên đơn vị B						
...	...						
Tổng:		...					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU THÔNG KÊ CÁN BỘ LÀ CẤP PHÓ CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

STT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Bổ nhiệm lần đầu			Bổ nhiệm lại			Ghi chú
				Số quyết định	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm	Người có thẩm quyền bổ nhiệm	Số quyết định	Ngày, tháng, năm hồ nhiệm lại	Người có thẩm quyền bổ nhiệm lại	
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ									
1	Ông (bà)		Phó Trưởng phòng ...							
2	Ông (bà)		Phó Chánh văn phòng							
...	...									
II	Các đơn vị trực thuộc									
1	Ông (bà)		Phó đơn vị...							
2	Ông (bà)		Phó đơn vị...							
...	...									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP CẤP PHÓ CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

STT	Tên đơn vị	Văn bản quy định số lượng cấp phó	Số lượng cấp phó hiện có	Số lượng cấp phó theo quy định	Số lượng cấp phó tăng, giảm so với quy định		Ghi chú
					Tăng so với quy định	Giảm so với quy định	
I.	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ						
1	Tên đơn vị A						
2	Tên đơn vị B						
...	...						
Tổng I:							
II	Các đơn vị trực thuộc						
1	Tên đơn vị A						
2	Tên đơn vị B						
Tổng II:							
Tổng:							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ (ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH...)

BÁO CÁO TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ.....

STT	Tên các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Ngành, lĩnh vực hoạt động	Cơ chế hoạt động hiện nay	Đề xuất cơ chế quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

* Ghi chú: - Cột 3: ghi theo lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập như: Y tế hoặc Giáo dục, Khoa học Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khác...

- Cột 4: ghi theo cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay: tự chủ hoặc chưa tự chủ.

- Cột 5: Đề xuất giao cơ chế hoạt động cho đơn vị sự nghiệp công lập: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Người lập biểu

(Ký tên)

Giám đốc (Thủ trưởng đơn vị)

(Ký tên)

BÁO CÁO TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

STT	Tên các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Ngành, lĩnh vực hoạt động	Đề xuất cơ chế quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5

* Ghi chú: - Cột 3: ghi theo lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập như: Y tế hoặc Giáo dục, Khoa học Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khác...

- Cột 4: Đề xuất giao cơ chế hoạt động cho đơn vị sự nghiệp công lập: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Người lập biểu
(Ký tên)

Giám đốc (Thủ trưởng đơn vị)
(Ký tên)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:.....

Biểu mẫu 09

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH
TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2016**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-THKH ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế công chức được giao	Tổng số công chức hiện có đến 31/5/2016	Cân đối		Nguyên nhân thừa, thiếu biên chế
				Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
....						
Tổng cộng:						

Ghi chú:

- Cột 2 đối với các sở, ngành có nhiều đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc, đề nghị ghi rõ tên đơn vị trực thuộc.
- Cột 3 ghi tổng số công chức được giao cho từng cơ quan, đơn vị theo QĐ 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh
- Cột 4 ghi tổng số công chức hiện đang có mặt tại cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/5/2016
- Cột 7 nêu rõ lý do thừa hoặc thiếu biên chế công chức.

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

UBND huyện, thị xã, thành phố:.....

Biểu mẫu 10

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP THUỘC UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2016**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-THKH ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số người làm việc được giao	Tổng số người làm việc hiện có đến 31/5/2016	Cân đối		Nguyên nhân thừa, thiếu biên chế
				Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện					
-	TT Văn hóa- Thông tin					
-	Đài truyền thanh					
-	Trạm khuyến nông					
-	Ban Quản lý di tích					
-	Đội quy tắc đô thị					
2	Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện					
-	Khối Mầm non					
-	Khối Tiểu học					
-	Khối TH cơ sở					
-	Trung tâm GDTX					
-	Trung tâm dạy nghề					
-	Trường TC nghề					
Tổng cộng:						

Ghi chú:

- Cột 3 ghi tổng số viên chức được giao cho từng cơ quan, đơn vị theo QĐ 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh
- Cột 4 ghi tổng số viên chức hiện đang có mặt tại cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/5/2016
- Cột 7 nêu rõ lý do thừa hoặc thiếu biên chế viên chức.

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:.....

Biểu mẫu 11

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2016
(Kèm theo Công văn số: /UBND-THKH ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số người làm việc được giao	Tổng số người làm việc hiện có đến 31/5/2016	Cân đối		Nguyên nhân thừa, thiếu biên chế
				Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7
1						
Tổng cộng:						

Ghi chú:

- Cột 3 ghi tổng số viên chức được giao cho từng cơ quan, đơn vị theo QĐ 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh
- Cột 4 ghi tổng số viên chức hiện đang có mặt tại cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/5/2016
- Cột 7 nêu rõ lý do thừa hoặc thiếu biên chế viên chức.

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:.....

Biểu mẫu số 12

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA UBND
TỈNH TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2016**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-THKH ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số người làm việc được giao	Tổng số người làm việc hiện có đến 31/5/2016	Cân đối		Nguyên nhân thừa, thiếu biên chế
				Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
....						
Tổng cộng:						

Ghi chú:

- Cột 2 đối với các sở, ngành có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì ghi từng đơn vị sự nghiệp công lập
- Cột 3 ghi tổng số viên chức được giao cho từng cơ quan, đơn vị theo QĐ 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh.
- Cột 4 ghi tổng số viên chức hiện đang có mặt tại cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/5/2016.
- Cột 7 nêu rõ lý do thừa hoặc thiếu biên chế viên chức.

Người lập bảng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP
RÀ SOÁT SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
 (Kèm theo Công văn số /UBND-NV của Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố...)

TT	Tổng số CB,CC được giao	Trong đó		Số thực hiện (tính đến 31/5/2016)	Trong đó		Thừa		Thiếu		Ghi chú
		Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức	Cán bộ	Công chức	Cán bộ	Công chức	
1	Xã A										
2	Xã B										
	Tổng										

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên)

TỔNG HỢP
RÀ SOÁT SỐ LƯỢNG CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ
 (Kèm theo Công văn số /UBND-NV của Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố...)

T T	Tổng số	Số thực hiện (tính đến 31/5/2016)	Thừa	Thiếu	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Xã A				
2	Xã B				
	Tổng				

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên)

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
ĐÃ ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN VỀ CÔNG TÁC TẠI
CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV của Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố...)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh đảm nhiệm trước khi điều động, luân chuyển	Vị trí, chức danh hiện tại	Thời điểm điều động, luân chuyển	Ghi chú
1	2	3		4	5	6	7
	Tổng						

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên)

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
ĐÃ THỰC HIỆN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP**
(Kèm theo Công văn số/UBND-NV của Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố...)

T T	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, chức danh đảm nhiệm trước khi thực hiện tình giảm biên chế	Lý do tình giảm biên chế	Hình thức tình giảm biên chế						Ghi chú
					Nghỉ hưu trước tuổi		Nghỉ chờ		Buộc thôi việc		
					CB	CC	CB	CC	CB	CC	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên)

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TÍNH ĐẾN NGÀY 29/02/2016 TẠI CƠ QUAN SỞ (UBND HUYỆN)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hợp đồng lao động hiện có	Trong đó			Ghi chú
			Số hợp đồng lao động do cơ quan có thẩm quyền cho phép	Hợp đồng do đơn vị tự ký		
				Trước ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	Sau ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	
(1)	(2)	(3) =(4)+ (5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú: + Cột 4: Số hợp đồng lao động được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

CHÁNH VĂN PHÒNG
(TP.TCCB, TP.NV)

(Ký: ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ
(CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN, THỦ TRƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC UBND TỈNH)

(Ký: ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ (CƠ QUAN NGANG SỞ)...

Biểu mẫu số 18

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TÍNH ĐẾN NGÀY 29/02/2016 TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ.

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hợp đồng lao động hiện có	Trong đó			Ghi chú
			Số hợp đồng lao động do cơ quan có thẩm quyền cho phép	Hợp đồng do đơn vị tự ký		
				Trước ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	Sau ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	
(1)	(2)	(3) =(4)+ (5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chi cục					
						
2	Chi cục					
						
3	Trung tâm					
						
4	Đơn vị khác (nếu có)					
						
	Tổng cộng					

Ghi chú: + Cột 4: Số hợp đồng lao động được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

CHÁNH VĂN PHÒNG
(TP.TCCB, TP. HC)

(Ký: ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ
(THỦ TRƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND TỈNH)

(Ký: ghi rõ họ tên)

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN TÍNH ĐẾN 29/02/2016 TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND CẤP HUYỆN.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số hợp đồng lao động hiện có	Trong đó					Ghi chú
			Số hợp đồng lao động do cơ quan có thẩm quyền cho phép	Hợp đồng do đơn vị tự ký				
				Trước ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	Sau ngày ban hành Công văn số 7369/UBND-THKH	Trước ngày ban hành Quyết đị.h 3678/2011/QĐ-UBND	Trước ngày ban hành Quyết đị.h 3678/2011/QĐ-UBND	
(1)	(2)	(3) =(4)+ (5)+ (6)+(7)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Trung tâm VH							
								
2	Đài Phát thanh							
								
								
3	Khối Mầm non							
-	Trường A							
								
-	Trường B							
								
4	Khối Tiểu học							
-	Trường A							
								
-	Trường B							
								

5	Khối Trung học cơ sở							
-	Trường A							
								
-	Trường B							
								
6	Các đơn vị khác (nếu có)							
...	...							
	Cộng							

Ghi chú: + Cột 4: Số hợp đồng lao động được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;

+ Cột 7, Cột 8 là số hợp đồng lao động ở các trường học do UBND huyện và đơn vị trực thuộc UBND huyện ký.

**CHÁNH VĂN PHÒNG
(TP.NV)**

(Ký: ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN

(Ký: ghi rõ họ tên)